

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23-4-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đình Bảng

Ông Phạm Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Tr Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 23-11-2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-3-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09-4-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 19xx; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn Đ, xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Tr, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Hồng Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 06-11-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặt khác, do anh Tr ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 03-

2019 đến nay, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Vũ Gia H, sinh ngày 09-01-20xx. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh Tr nhưng anh Tr không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã xuống gia đình, gặp anh Tr đề nghị anh trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh Tr không hợp tác, không trình bày. Vì vậy, Tòa án không có bản khai của anh Tr.

Tòa án đã lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Khai (bố đẻ anh Tr), bà Phạm Thị Quyên (mẹ đẻ chị M) và bà Nguyễn Thị N (Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn C, xã V) về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Tr, thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị M và anh Tr thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống; thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống vợ chồng và do anh Tr ham chơi, không quan tâm đến vợ con nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Hiện nay, chị M đã mang con về nhà mẹ đẻ tại thôn Đ, xã V sinh sống. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung hiện đang chung sống với chị M.

Tại phiên tòa:

Chị M giữ nguyên quan điểm như trên và thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ tháng 03 năm 2019 đến nay nên chị đề nghị được ly hôn với anh Tr và giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì anh Tr không có nghề nghiệp ổn định, sống thiếu trách nhiệm, ham chơi; chị có đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị và anh Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án, vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị M và anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M được ly hôn anh Tr; giao con chung là Nguyễn Vũ Gia H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị M khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Hồng Tr tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là anh Tr cư trú tại xã V, huyện Tiên Lãng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Tr vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr.

- Về hôn nhân:

[3] Chị M và anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 06 tháng 11 năm 2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị M trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn, chị M và anh Tr sống chung tại thôn C, xã V, huyện Tiên Lãng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Anh Tr không có việc làm việc ổn định,

thường xuyên chơi bời, không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con. Chị M và gia đình đã khuyên can anh Tr tu trí làm ăn, nhưng không có kết quả. Vì thế, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị M thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

[5] Xét thấy, chị M và anh Tr đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[6] Về con chung: Chị M và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Vũ Gia H, sinh ngày 09-01-20xx. Chị M nhận nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Anh Tr không có việc làm ổn định, lại ham chơi; chị M có công việc, thu nhập ổn định và từ khi anh chị ly thân đến nay, con H đều ở với chị M. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con khi ly hôn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, thời hạn nuôi con từ ngày 23-4-2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị M và anh Tr có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nH: Chị Vũ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hồng Tr.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Vũ Gia H, sinh ngày 09-01-20xx cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, thời hạn nuôi con từ ngày 23-4-2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi; hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00011975 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã V, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đình Bảng Phạm Văn Tiến

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Viện Nguyễn Thị Ninh

Nguyễn Thanh Tùng

nH tH có tiền án anh có 03 tiền án, Bản án 25/2010/HSST ngày 27/9/2010 bị Tòa án nH dân quận Đồ Sơn xử 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng về tội cưỡng đoạt tài sản, Bản án số 224/2017/HSPT ngày 26/4/2017 bị Tòa án nH dân cấp cao tại Hà Nội xử 15 tháng tù về tội đánh bạc, Bản án số 19/2017/HSST ngày 10/10/2017 bị Tòa án nH dân quận Đồ Sơn xử 12 tháng tù về tội đánh bạc